PHỤ LỤC II

ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2027 NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG (GỌI CHUNG LÀ NGÂN SÁCH CẤP XÃ)

(Kèm thèo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày…tháng…năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

1. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục:

a) Trên cơ sở bảo đảm tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và học bổng cho học sinh dân tộc nội trú), tiền thưởng theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao tối đa 81%, chi cho hoạt động giảng dạy và học tập (không bao gồm tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp và các khoản có tính chất lương) tối thiểu 19% (chưa bao gồm chi từ nguồn thu học phí), đối với biên chế chưa tuyển dụng đủ theo chỉ tiêu biên chế được giao được tính theo hệ số lương 2,34 và các khoản đóng góp theo quy định.

- Định mức phân bổ chi trên bao gồm: Tính đủ, đảm bảo tất cả các nhiệm vụ chi cho các cấp giáo dục, các loại hình giáo dục; chế độ học bổng cho học sinh dân tộc nội trú; chính sách ưu tiên đối với lĩnh vực giáo dục đã ban hành theo phân cấp.

- Định mức chi hoạt động nêu trên đảm bảo chi có tất cả các nhiệm vụ chi hoạt đông thuyền xuyên, nghiệp vụ chuyên môn; kinh phí chi trả cho các đối tượng hợp đồng lao động theo quy định; chi mua sắm dụng cụ dạy học, sửa chữa thường xuyên, triển khai các chương trình tập huấn, bồi dưỡng giáo viên, chi cho hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng, chi khen thưởng và các khoản chi hoạt động khác theo phân cấp.

b) Phân bổ theo tiêu chí bổ sung kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện các chính sách do cơ quan có thẩm quyền ban hành, được xác định trên cơ sở số đối tượng thực tế, mức hỗ trợ theo số kinh phí được Trung ương phân bổ và chế độ quy định, gồm:

- Chính sách phát triển giáo dục mầm non.

- Chính sách hỗ trợ học bổng và phương tiện, đồ dùng học tập cho học sinh khuyết tật.

- Chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên cùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hảo đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách.

2. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề:

Bao gồm các loại hình đào tạo, dạy nghề (chính quy, tại chức, đào tạo lại, các loại hình đào tạo, dạy nghề khác), các cấp đào tạo, dạy nghề, Trung tâm chính trị, theo tiêu chí cụ thể sau:

a) Đối với các đơn vị đào tạo chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp), tiền thưởng và hoạt động theo định mức quy định tại Mục 1 Phụ lục này.

b) Hoạt động đào tạo tại cấp xã, định mức chi 500 triệu đồng/xã, phường/năm.

3. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình:

a) Theo tiêu chí dân số là 80.000 đồng/người dân/năm.

b) Phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

- Hỗ trợ kinh phí cho y tế dự phòng đạt tối thiểu 30% tổng chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình (áp dụng cho toàn địa bàn thành phố); ưu tiên cho y tế cơ sở ở vùng khó khăn, biên giới, hải đảo, các lĩnh vực phong, lao, tâm thần và các lĩnh vực khác theo Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trong tình hình mới.

4. Định mức phân bổ chi quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể:

a) Chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp), tiền thưởng hàng năm giao theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao, đối với biên chế chưa tuyển dụng đủ theo chỉ tiêu biên chế được giao được tính theo hệ số lương 2,34 và các khoản đóng góp theo quy định (loại trừ đối tượng cán bộ không chuyên trách ở ấp, khu vực).

b) Chi hoạt động tính theo biên chế được cấp thẩm quyền giao:

- Văn phòng Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: 57 triệu đồng/năm/biên chế.

- Các phòng, ban chuyên môn và trung tâm phục vụ hành chính công: 55 triệu đồng/năm/biên chế.

Định mức chi hoạt động nêu trên bao gồm: Các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy các cơ quan: khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể, thông tin liên lạc, công tác phí, hội nghị, tổng kết, đoàn ra, đoàn vào, văn phòng phẩm, điện nước, xăng dầu,...; Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm: chi nghiệp vụ chuyên môn của các ngành, chi tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn; chi quản lý ngành, lĩnh vực; chi thực hiện công tác quản lý ngành, lĩnh vực; chi công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; đánh giá giám sát đầu tư;....; Kinh phí sửa chữa thường xuyên đối với trụ sở, ô tô phục vụ công tác chung và chức danh, tài sản khác; Kinh phí mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc của cán bộ, công chức và các khoản chi hoạt động khác theo quy định.

c) Khoán quỹ phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khu vực theo quy định tại Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và

Nghị quyết số 40/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ quy định chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách và số lượng, chức danh người tham gia hoạt động ở ấp, khu vực trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

d) Phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

- Hỗ trợ kinh phí cho các nhiệm vụ chi đặc thù của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các nhiệm vụ phát sinh khác của cấp xã theo tiêu chí 3.500 triệu đồng/xã, phường/năm.

- Hỗ trợ kinh phí trung tâm phục vụ hành chính công theo tiêu chí 1.000 triệu đồng/xã, phường/năm.

- Hỗ trợ kinh phí các xã, phường có khoảng cách xa trung tâm thành phố: Trên 80 km: 1.000 triệu đồng/xã, phường/năm; Từ trên 60 km đến 80 km: 800 triệu đồng/xã, phường/năm; Từ trên 40 km đến 60 km: 600 triệu đồng/xã, phường/năm; Từ trên 20 km đến 40 km: 400 triệu đồng/xã, phường/năm.

5. Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa thông tin:

a) Theo tiêu chí dân số là 25.000 đồng/người dân/năm.

b) Phân bổ theo tiêu chí bổ sung cho các xã, phường có nhà văn hóa thiếu nhi hoặc trung tâm văn hóa thiếu nhi là 10.000 đồng/người dân/năm.

6. Định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh truyền hình: Theo tiêu chí dân số là 12.000 đồng/người dân/năm.

7. Định mức phân bổ chi sự nghiệp thể dục thể thao: Theo tiêu chí dân số là 12.000 đồng/người dân/năm.

8. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đảm bảo xã hội:

a) Theo tiêu chí dân số là 30.000 đồng/người dân/năm.

b) Phân bổ theo tiêu chí bổ sung kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện các chính sách do cơ quan có thẩm quyền ban hành, được xác định trên cơ sở số đối tượng thực tế, mức hỗ trợ theo số được Trung ương phân bổ và chế độ quy định, gồm:

- Kinh phí thực hiện trợ cấp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng hưu trí xã hội.

- Kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội.

9. Định mức phân bổ chi quốc phòng:

a) Phân bổ theo tiêu chí dân số là 30.000 đồng/người dân/năm.

b) Phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

- Hỗ trợ kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách (các khoản phụ cấp, tiền ăn, trợ cấp ngày công lao động của quân dân, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và trợ cấp một lần đối với dân quân thường trực) của Dân quân tự vệ thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương theo Luật Dân quân tự vệ, Đề án số

05/ĐA-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho Dân quân tự vệ trên địa bàn thành phố Cần Thơ giai đoạn 2026 - 2030 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

Định mức chi quốc phòng nêu trên bao gồm tất cả các nhiệm vụ chi theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước và các chế độ chính sách của Nhà nước ban hành. Trong đó, đã ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện chế độ, chính sách của Dân quân tự vệ thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương theo Luật Dân quân tự vệ.

10. Định mức phân bổ chi an ninh, trật tự, an toàn xã hội:

a) Phân bổ theo tiêu chí dân số là 20.000 đồng/người dân/năm.

b) Phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

- Hỗ trợ kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở do địa phương quản lý theo quy định của cấp thẩm quyền, Nghị quyết số 34/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ quy định tiêu chí thành lập Tổ và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng và mức hỗ trợ, bồi dưỡng khác đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn thành phố Cần Thơ và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

Định mức chi an ninh, trật tự, an toàn xã hội nêu trên bao gồm tất cả các nhiệm vụ chi theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước và các chế độ chính sách của Nhà nước ban hành. Trong đó, đã ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở do địa phương quản lý theo quy định của cấp thẩm quyền.

11. Định mức chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số:

Thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, pháp luật về chuyển đổi số; căn cứ chỉ tiêu được Trung ương phân bổ và khả năng cân đối ngân sách địa phương để xác định số kinh phí phân bổ chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho các xã, phường thực hiện theo quy định và theo phân cấp ngân sách.

12. Định mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế:

a) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số là 80.000 đồng/người dân/năm.

b) Tùy theo tính chất đô thị, phân bổ chi sự nghiệp kinh tế cho các xã, phường như sau:

- Xã, phường là đô thị loại II và đô thị trung tâm hành chính (cấp huyện trước sáp nhập): 20.000 triệu đồng/xã, phường/năm.

- Xã, phường là đô thị loại II còn lại: 15.000 triệu đồng/xã, phường/năm.

- Xã, phường là đô thị loại III: 7.000 triệu đồng/xã, phường/năm.

- Xã, phường còn lại: 5.000 triệu đồng/xã, phường/năm.

Định mức chi sự nghiệp kinh tế nêu trên bao gồm tất cả các nhiệm vụ chi theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước và các chế độ chính sách của Nhà nước ban hành.

13. Định mức phân bổ chi hoạt động sự nghiệp môi trường:

a) Theo tiêu chí dân số là 50.000 đồng/người dân/năm.

b) Phân bổ theo tiêu chí bổ sung cho xã, phường để thực hiện công tác liên quan đến việc thu gom, xử lý rác thải, vệ sinh môi trường:

- Xã, phường nơi có nhà máy xử lý rác thải tập trung hoặc trạm trung chuyển rác thải hoặc là đô thị trung tâm hành chính (cấp huyện trước sáp nhập): 5.000 triệu đồng/xã, phường/năm.

- Xã, phường có bãi tập kết rác thải theo quy định: 3.000 triệu đồng/xã, phường/năm.

- Xã, phường còn lại: 2.000 triệu đồng/xã, phường/năm.

Định mức chi sự nghiệp môi trường nêu trên bao gồm tất cả các nhiệm vụ chi theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước và các chế độ chính sách của Nhà nước ban hành.

14. Chi thường xuyên khác của ngân sách: Phân bổ theo tỷ trọng bằng 0,5% tổng các khoản chi thường xuyên đã được tính theo định mức phân bổ dự toán chi ngân sách của từng xã, phường (từ Mục 1 đến Mục 13 Phụ lục này, không bao gồm định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung).

15. Định mức phân bổ chi khen thưởng: Phân bổ theo tỷ trọng bằng 1% các khoản chi thường xuyên đã được tính theo định mức phân bổ dự toán chi ngân sách của từng xã, phường (từ Mục 1 đến Mục 14 Phụ lục này, không bao gồm định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung).

16. Đối với những xã, phường có dân số thấp: Xã, phường có dân số từ mức dân số bình quân chung toàn thành phố là 31.500 dân trở xuống được phân bổ thêm 10% số chi tính theo định mức tiêu chí dân số.

17. Dự phòng ngân sách: Phân bổ dự phòng ngân sách cấp cấp xã theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

18. Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên cấp xã (không bao gồm sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề): Được vận dụng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước như đối với lĩnh vực chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể nhưng mức định mức tối đa không quá 55 triệu đồng/biên chế/năm.